

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Bôn

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 387/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số 76 S, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1979 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 76 S, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – bà Nguyễn Ngọc N trình bày:** Bà N và ông B tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới năm

2004 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 07/7/2012. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 12/2005 thì phát sinh mâu thuẫn, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên bà N và ông B đã chính thức ly thân từ tháng 12 năm 2013 đến nay. Thấy sống chung không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên bà N yêu cầu ly hôn.

Lý do xin ly hôn: Bà N cho rằng quá trình chung sống tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm và lối sống, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác. Về con chung: Bà N xác nhận bà và ông B có một con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/3/2008, hiện nay đang sống cùng với ông B. Bà N đồng ý giao con chung cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc N xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai đề ngày 18/01/2019, bị đơn – ông Nguyễn Quốc B trình bày:** Ông B xác nhận việc vợ chồng chung sống là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Nay bà N xin ly hôn ông B đồng ý, về con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/3/2008, hiện nay đang sống cùng với ông B. Ông B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Ông B xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn – bà Nguyễn Ngọc N xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông Nguyễn Quốc B. Đồng ý giao con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/3/2008 cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Xác nhận tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Quốc B cư trú tại phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết. Bị đơn

- ông Nguyễn Quốc B có đơn xin giải quyết vắng mặt **nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự**, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Quốc B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/7/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà N xin ly hôn ông B với lý do: Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, không cùng quan điểm, và vợ chồng cũng đã ly thân từ tháng 12/2013 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông B là mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã hòa giải hôn nhân để ông bà đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Tại tòa bà N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và ông B cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà N. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3] *Về con chung*: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Quốc B xác nhận có một con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/3/2008, hiện nay đang sống cùng với ông B. Bà N và ông B cùng đồng ý để ông B tiếp tục nuôi dưỡng, thỏa thuận của ông bà phù hợp với nguyện vọng cháu A. Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông B là người được giao nuôi con không có yêu cầu cấp dưỡng, bà N cũng không tự nguyện đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con mà do ông bà tự chu cấp con theo khả năng không ghi nhận trong vụ kiện. Do đó, Tòa án không xem xét cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nếu có phát sinh sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Quốc B thống nhất xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Ngọc N chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000367 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà N đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 227, Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84; Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Ngọc N được ly hôn với và ông Nguyễn Quốc B.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/3/2008 cho ông B nuôi dưỡng. Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà N và ông B xác định không tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung.

4. *Về án phí:* Bà Nguyễn Ngọc N chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000367 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà N đã nộp đủ.

5. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp.Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp.Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trần Mộng Thúy

